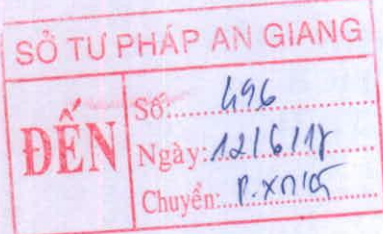


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2018/QĐ-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH
**Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích
bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BCT ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công thương về phát triển và quản lý chợ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Công thương, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin Điện tử Chính phủ;
- TT. TU, HĐND, UB MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Công Thông tin Điện tử An Giang;
- Báo, Đài Phát thanh Truyền hình An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. KTTH, KTN, TT. CB-TH.



Lê Văn Nưng

QUY ĐỊNH

**Giá dịch vụ sử dụng diện tích
bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang**
(ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (bao gồm chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước) trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, Ban quản lý chợ, Tổ quản lý chợ (gọi chung là Ban quản lý chợ) và các doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh quản lý, kinh doanh chợ.
2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng điểm kinh doanh, mặt bằng, diện tích bán hàng, dịch vụ tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Phạm vi chợ: là khu vực được quy hoạch dành cho hoạt động chợ, bao gồm diện tích để bố trí các điểm kinh doanh, khu vực dịch vụ như: bãi để xe, kho hàng, khu ăn uống, vui chơi giải trí, các dịch vụ khác sân chợ và đường nội bộ của chợ.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Điểm kinh doanh tại chợ:
 - a) Điểm kinh doanh cố định: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 3 m²/điểm.
 - b) Điểm kinh doanh không cố định: là các điểm kinh doanh được bố trí tại khu vực sân chợ, ngoài trời hoặc tại khu vực không phân chia cụ thể cho một hộ kinh doanh nào.
4. Đơn vị thu tiền sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (gọi tắt là đơn vị quản lý chợ):
 - a) Ban quản lý chợ, Tổ quản lý chợ: là do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.
 - b) Thương nhân đầu tư, kinh doanh, khai thác và quản lý chợ: là hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập theo

quy định của pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc trúng thầu về kinh doanh, khai thác và quản lý hoặc thực hiện đầu tư xây dựng chợ, sau đó tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ.

5. Khu vực trong chợ:

a) Khu bách hóa, tổng hợp: bao gồm các ngành hàng lương thực, thực phẩm, tạp hóa, bách hóa, thực phẩm mới qua sơ chế, quần áo, giày dép, mũm mền vải sợi, đồ gia dụng, đồng hồ, mỹ nghệ, dụng cụ học sinh, kính mát, nón, giỏ, dây nịt, kim, chỉ, dụng cụ nông, ngư nghiệp, sành sứ nhôm nhựa, mỹ phẩm, thuốc tây, thuốc bắc, trang sức...

b) Khu nông sản: bao gồm các ngành hàng rau, củ, quả, trái cây, hoa tươi...

c) Khu thực phẩm: bao gồm các ngành hàng thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến, gạo, nếp; ăn uống, giải khát...

6. Hệ số lợi thế thương mại về vị trí và khu vực:

a) Hệ số lợi thế thương mại về vị trí (hệ số k): là hệ số được áp dụng đối với điểm kinh doanh có vị trí kinh doanh thuận tiện, lợi thế kinh doanh trong chợ.

b) Hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ (hệ số h): là hệ số được áp dụng đối với các khu vực được phân chia theo địa giới hành chính.

Chương II

GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ

Điều 4. Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (áp dụng cho chợ Long Xuyên, chợ Châu Đốc, chợ Tân Châu) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

1. Chợ Long Xuyên tại thành phố Long Xuyên:

a) Khu bách hóa, tổng hợp:

- Tầng trệt:

+ Điểm kinh doanh thuận lợi 02 mặt tiền (hoặc 01 mặt tiền quay về phía sân chợ): 135.000 đồng/m²/tháng.

+ Các điểm kinh doanh còn lại: 114.000 đồng/m²/tháng.

- Tầng lầu:

+ Điểm kinh doanh thuận lợi 02 mặt tiền: 99.000 đồng/m²/tháng.

+ Điểm kinh doanh 01 mặt tiền: 68.000 đồng/m²/tháng.

b) Khu nông sản thực phẩm, khu hoa tươi - trái cây và các khu khác tại chợ Long Xuyên: 114.000 đồng/m²/tháng.

c) Đối với điểm kinh doanh không cố định, không thường xuyên tại chợ (ngoài nhà lồng chợ): 3.000 đồng/m²/ngày.

2. Chợ Châu Đốc tại thành phố Châu Đốc:

a) Khu bách hóa, tổng hợp:

- Điểm kinh doanh thuận lợi (khu nhà lồng chợ sắt): 80.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh không thuận lợi (khu nhà lồng chợ sắt, diện tích 3,99 m²): 66.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh không thuận lợi (khu nhà lồng chợ sắt, diện tích 2,66 m²): 50.000 đồng/m²/tháng.

b) Khu bán rau, củ, quả; trái cây, hoa tươi: 120.000 đồng/m²/tháng.

c) Khu bán thủy, hải, sản; tạp hóa; thực phẩm qua chế biến; gạo, nếp; ăn uống, giải khát: 105.000 đồng/m²/tháng.

d) Khu bán sản phẩm theo thời vụ (khô, mắm, thốt lốt, đặc sản...): 135.000 đồng/m²/tháng.

đ) Đối với điểm kinh doanh không cố định, không thường xuyên tại chợ (ngoài nhà lồng chợ): 3.000 đồng/m²/ngày.

3. Chợ Tân Châu tại thị xã Tân Châu:

a) Khu bán ngành hàng trang sức (vàng, bạc...):

- Điểm kinh doanh (đường 4 m - 6 m): 65.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh (đường 2 m): 60.000 đồng/m²/tháng.

b) Khu bách hóa, tổng hợp:

- Điểm kinh doanh có 02 mặt tiền (đường 4 m): 60.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh có 01 mặt tiền (đường 4 m): 50.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh có 01 mặt tiền hoặc 02 mặt tiền (đường 2 m): 45.000 đồng/m²/tháng.

c) Khu nông sản, ăn uống, giải khát:

- Điểm kinh doanh có 02 mặt tiền (đường 4 m): 54.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh có 01 mặt tiền (đường 4 m): 45.000 đồng/m²/tháng.

- Điểm kinh doanh có 01 mặt tiền hoặc 02 mặt tiền (đường 2 m): 41.250 đồng/m²/tháng.

d) Đối với điểm kinh doanh không cố định, không thường xuyên tại chợ (ngoài nhà lồng chợ): 3.000 đồng/m²/ngày.

Điều 5. Giá đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (trừ chợ Long Xuyên, chợ Châu Đốc, chợ Tân Châu được quy định tại Điều 4) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

1. Đối với điểm kinh doanh cố định tại chợ:

a) Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ:

Đơn vị tính: đồng/m²/tháng.

Số TT	Phân hạng	Chợ tại phường, thị trấn	Chợ tại các xã
1	Chợ hạng 1	60.000	-
2	Chợ hạng 2	50.000	40.000
3	Chợ hạng 3	40.000	30.000

Việc xác định tiêu chuẩn phân hạng chợ được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BCT ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công thương về phát triển và quản lý chợ và quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành quy định về tổ chức quản lý, kinh doanh, khai thác chợ và việc sử dụng, thuê điểm kinh doanh tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Áp dụng hệ số lợi thế thương mại trong việc tính giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ:

- Hệ số lợi thế thương mại về vị trí (hệ số k): là hệ số được áp dụng đối với điểm kinh doanh có vị trí kinh doanh thuận tiện, lợi thế kinh doanh.

Hệ số lợi thế thương mại về vị trí 01 ($k = 1,2$): là các điểm kinh doanh có mặt tiền hướng đường chính xung quanh khu vực chợ hoặc có mặt tiền hướng đường nội bộ bên ngoài nhà lồng chợ.

Hệ số lợi thế thương mại về vị trí 02 ($k = 1,1$): là các điểm kinh doanh có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng của chợ.

Hệ số lợi thế thương mại về vị trí 03 ($k = 1$): là các điểm kinh doanh còn lại trong chợ.

Việc xác định vị trí trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến của hộ kinh doanh thông qua Ban quản lý chợ, đơn vị kinh doanh khai thác chợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý chợ.

- Hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ (hệ số h): là hệ số được áp dụng đối với các khu vực được phân chia theo địa giới hành chính.

Hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ 01 ($h = 1,4$): là các chợ có từ 100 điểm kinh doanh trở lên tại địa bàn phường thuộc thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc.

Hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ 02 ($h = 1,3$): là các chợ có từ 100 điểm kinh doanh trở lên tại địa bàn phường thuộc thị xã Tân Châu.

Hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ 03 ($h = 1,2$): là các chợ trên địa bàn thị trấn thuộc huyện và các chợ có dưới 100 điểm kinh doanh tại các phường thuộc thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu.

Hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ 04 ($h = 1,1$): là các chợ trên địa bàn xã thuộc huyện, thị xã, thành phố.

c) Phương pháp xác định số tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ:

Tiền thuê hàng tháng = (giá dịch vụ) x (k) x (h)

Trong đó:

- Giá dịch vụ: là giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ cụ thể được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- k: là hệ số lợi thế thương mại về vị trí.

- h: là hệ số lợi thế thương mại về khu vực hoạt động chợ.

2. Đối với điểm kinh doanh không cố định, không thường xuyên tại chợ (ngoài nhà lồng chợ):

Đơn vị tính: đồng/m²/ngày.

Số TT	Phân hạng	Chợ tại phường, thị trấn	Chợ tại các xã
1	Chợ hạng 1	3.000	-
2	Chợ hạng 2	2.000	1.500
3	Chợ hạng 3	1.500	1.000

Việc xác định tiêu chuẩn phân hạng chợ được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BCT ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công thương về phát triển và quản lý chợ và quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành quy định về tổ chức quản lý, kinh doanh, khai thác chợ và việc sử dụng, thuê điểm kinh doanh tại chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 6. Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

Các chợ được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: mức thu không quá 02 (hai) lần mức thu theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ là khoản thu nhằm bù đắp chi phí đầu tư, chi phí quản lý, lợi nhuận hợp lý; nguồn thu được ưu tiên đầu tư trở lại để nâng cấp, phát triển chợ.

2. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Các hợp đồng đã được ký kết giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Ban quản lý chợ, doanh nghiệp quản lý chợ với tổ chức, cá nhân sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (theo hình thức phí chợ) đang còn hiệu lực thì tiếp tục thực hiện. Khi kết thúc hợp đồng thì điều chỉnh sang hình thức giá dịch vụ theo Quy định này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế, các Sở, Ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi văn bản nguồn, diễn biến tình hình giá cả thị trường và những tác động khác ảnh hưởng đến mặt bằng giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ theo Quy định này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Nung